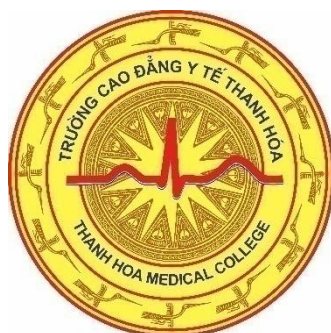


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: Y XÃ HỘI
NGÀNH/NGHỀ: KỸ THUẬT HÌNH ẢNH
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG VB2

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 549/QĐ-CDYT ngày 9 tháng 8 năm 2021 của
Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Y tế Thanh Hóa*

Thanh Hóa, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá có bề dày lịch sử đào tạo các thế hệ cán bộ Y - Dược, xây dựng và phát triển hơn 60 năm. Hiện nay, Nhà trường đã và đang đổi mới về nội dung, phương pháp và lượng giá học tập của học sinh, sinh viên nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Để có tài liệu giảng dạy thống nhất cho giảng viên và tài liệu học tập cho học sinh, sinh viên; Đảng uỷ - Ban Giám hiệu Nhà trường chủ trương biên soạn tập bài giảng của các chuyên ngành mà Nhà trường đã được cấp phép đào tạo.

Tập bài giảng Y xã hội được các giảng viên Bộ môn Y tế công cộng biên soạn dùng cho hệ Cao đẳng điều dưỡng, cao đẳng phục hồi chức năng, hình ảnh, xét nghiệm, hộ sinh dựa trên chương trình đào tạo của Trường ban hành năm 2021, Thông tư 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội.

Vì vậy môn học Y xã hội giúp cho người học nắm được những nguyên tắc chung nhất về tâm lý y học, truyền thông giáo dục sức khỏe, và tổ chức quản lý ngành y tế Việt nam.

Môn học “Y xã hội” giúp học viên sau khi ra trường có thể vận dụng tốt các kiến thức về tâm lý y học, truyền thông giáo dục sức khỏe, và tổ chức quản lý ngành y tế Việt nam đã học vào hoạt động nghề nghiệp.

Tuy nhiên trong quá trình biên soạn tập bài giảng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể biên soạn xin ghi nhận các ý kiến đóng góp xây dựng của các nhà quản lý, đồng nghiệp, độc giả và học sinh, những người sử dụng cuốn sách này để nghiên cứu bổ sung cho tập bài giảng ngày càng hoàn thiện hơn.

Thanh Hóa, năm 2021

Chủ biên: ThS.BS. Mai Văn Bảy

Tham gia biên soạn:

- 1. ThS. Lê Viết Toàn**
- 2. ThS. Trịnh Xuân Nhật**
- 3. BSCKI. Lê Văn Hoan**

TaiLieu.vn

TT	MỤC LỤC	TRANG
1	<i>Lời giới thiệu</i>	
2	Bài 1. Tâm lý và tâm lý y học	1
3	Bài 2. Tâm lý người bệnh và liệu pháp tâm lý	9
4	Bài 3. Lịch sử đạo đức Y học	18
5	Bài 4. Quy định về Y đức của Bộ Y tế	34
6	Bài 5. Đại cương về giáo dục sức khỏe	38
7	Bài 6. Hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe	43
8	Bài 7. Giao tiếp và các hình thức giao tiếp	49
9	Bài 8. Kỹ năng giao tiếp và các trở ngại trong giao tiếp	55
10	Bài 9. Truyền thông giáo dục sức khỏe	61
11	Bài 10. Tư vấn sức khỏe	67
12	Bài 11. Giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	76
13	Bài 12. Lập kế hoạch một buổi giáo dục sức khỏe	82
14	Bài 13. Hệ thống tổ chức Y tế Việt Nam	87
15	Bài 14. Pháp lệnh hành nghề Y Dược	94
16	Bài 15. Tổ chức và quản lý bệnh viện	103
17	Bài 16. Tổ chức và quản lý Y tế cơ sở	108
18	Bài 17. Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	111
19	Bài 18. Các chương trình Y tế Quốc gia	123

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y Xã Hội

Mã môn học: MH17

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Thuộc khối kiến thức cơ sở ngành

- Tính chất:

Môn học này gồm các nội dung: một số khái niệm cơ bản về tâm lý, hiện tượng tâm lý, TT-GDSK, hiểu về hệ thống ngành y tế, chiến lược phát triển ngành Y tế Việt nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề xã hội học. Môn học này còn giúp cho sinh viên có các kiến thức cơ bản về cộng đồng, cách tiếp cận, truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

+ Giúp cho sinh viên hiểu được tâm lý bệnh nhân khi tiếp xúc.

+ Sinh viên hiểu được kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày đặc biệt đối với bệnh nhân

+ Giúp sinh viên hiểu được mô hình tổ chức hệ thống Y tế Việt nam.

Mục tiêu của môn học/mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm về tâm lý, tâm lý y học và các lĩnh vực tâm lý.

+ Trình bày được quá trình diễn biến tâm lý người bệnh và sự tác động / ảnh hưởng của đạo đức người cán bộ y tế đến tâm lý người bệnh.

+ Trình bày được khái niệm giáo dục sức khỏe & tầm quan trọng của công tác GDSK.

+ Trình bày và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

+ Trình bày được cơ sở lý luận cơ bản của công tác y tế, nguyên tắc tổ chức, mô hình tổ chức, mạng lưới y tế Việt Nam.

- Về kỹ năng:

Thực hành được một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, thực hiện tốt công tác tư vấn sức khỏe tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong công tác.

TaiLieu.vn

Nội dung của môn học:

BÀI 1: TÂM LÝ VÀ TÂM LÝ Y HỌC (3 tiết)

Giới thiệu: Tâm lý con người rất phức tạp, việc nắm bắt được tình trạng biến động tâm lý con người rất quan trọng, đặc biệt là tâm lý bệnh nhân, nó giúp cán bộ y tế có được những hoạt động tích cực tới người bệnh, nhờ đó mà người bệnh có được thái độ lạc quan với tình trạng bệnh tật.

1. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này, sinh viên phải:

- 1.1. Trình bày được bản chất của hoạt động tâm lý.*
- 1.2. Trình bày được sơ đồ phân ngành tâm lý học Y học.*
- 1.3. Liệt kê được 6 phương pháp nghiên cứu tâm lý học.*

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm về tâm lý học và tâm lý

2.1.1. Khái niệm về tâm lý học:

Là một khoa học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý và những quá trình phát sinh, phát triển của chúng, nghiên cứu những nét tâm lý của hoạt động tâm lý con người.

2.1.2. Tâm lý là gì?

Trong cuộc sống ta rất quen và hay dùng đến từ “Tâm lý” thường dùng để nói lên sự hiểu biết về lòng người chẳng hạn “Thầy giáo rất tâm lý”, “Bạn M không tâm lý”.

Về mặt khoa học, tâm lý còn bao hàm cả những hiện tượng tâm lý như cảm giác, tri giác, trí nhớ, sự suy nghĩ, thói quen, tài năng, tư tưởng, nếp nghĩ.

Nói tổng quát: Tâm lý bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần nào vốn xảy ra trong óc con người, gắn liền và điều hành mọi hành động hoạt động của con người.

2.1.3. Hiện tượng tâm lý là gì?

Là những hiện tượng xuất hiện trong đầu óc của con người, nó gắn liền và điều khiển mọi hoạt động của con người dù có hay không có ý thức.

Hiện tượng tâm lý điều hành các hoạt động, giúp con người hành động thích ứng và cải tạo hoàn cảnh khách quan nhằm tồn tại và phát triển.

Ví dụ: Sự chịu đựng đau đớn của bệnh tật, chiến thắng bệnh tật của bệnh nhân.

2.2. Khoa học tâm lý

2.2.1. Chức năng của hiện tượng tâm lý

- Tâm lý giúp con người định hướng khi bắt đầu hoạt động: Có động cơ, có mục đích xuất phát từ lý tưởng, niềm tin cũng có thể là lương tâm, danh dự, tiền tài, có khi là tình cảm hoặc một kỷ niệm.
- Tâm lý là động lực thúc đẩy hoạt động thông thường động lực là tình cảm nhất định nhưng cũng có khi là những hiện tượng tâm lý khác đi kèm theo như biểu tượng, tưởng tượng, sự ám thị, định kiến v.v.
- Tâm lý điều khiển, kiểm soát quá trình hoạt động bằng một mẫu hình, chương trình, kế hoạch một cách thức, thao tác.
- Tâm lý cũng giúp con người điều chỉnh hoạt động của mình.

2.2.2. Bản chất của hoạt động tâm lý

Hiện thực xung quanh ta muôn màu muôn vẻ, trong đó có các hiện tượng tâm lý, sinh lý và vật lý.

- Hiện tượng sinh lý: Miệng cười.
- Hiện tượng vật lý: Tờ giấy trắng, hòn than đen.
- Hiện tượng tâm lý: Hình ảnh hòn than, tờ giấy trong óc người, sự vui buồn v.v.

* Vậy: Bản chất của hoạt động tâm lý là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong chủ quan của mỗi con người thông qua não bộ, là tổ chức cao cấp nhất trong quá trình tiến hoá vật chất.

Tâm lý người có bản chất xã hội, lịch sử. Nó khác về chất so với tâm lý động vật.

2.2.3. Sự xuất hiện của hiện tượng tâm lý

Quá trình xuất hiện của hiện tượng tâm lý có thể chia thành hai giai đoạn như sau:

2.2.3.1. Tính cảm ứng kích thích

Là sự đáp ứng đối với những kích thích trực tiếp.

Ví dụ: Tay rút tay lại khi bị kim châm vào ngón tay; Khi thức ăn tiếp xúc với niêm mạc miệng tạo ra phản xạ tiết nước bọt v.v. Đó là những phản xạ không điều kiện, là loại phản xạ bẩm sinh, được di truyền và do những phần thấp của hệ thần kinh thực hiện.

2.2.3.2. Sự phản ánh có tính chất tâm lý

Là sự đáp ứng đối với những kích thích gián tiếp.

Hoạt động thần kinh cao cấp của người có những đặc điểm mà nhờ đó loài người tách hẳn với thế giới động vật. Đó là quan điểm của Pavlov khi ông nêu lên Học thuyết về hai hệ thống tín hiệu.

- Hệ thống tín hiệu thứ nhất: Những kích thích từ bên ngoài và dấu vết của những kích thích ấy dưới dạng những hình ảnh trong các bán cầu não, trực tiếp tác động, gây ra các cảm giác, biểu tượng về sự vật và hiện tượng.

- Hệ thống tín hiệu thứ hai, tức là lời nói: Lời nói cũng trở thành một kích thích có điều kiện, có thể gây ra phản ứng như một kích thích thuộc hệ thống tín hiệu thứ nhất.

- Quan hệ giữa hai hệ thống tín hiệu:

+ Hệ thống tín hiệu thứ nhất là cơ sở của hệ thống tín hiệu thứ hai và hệ thống tín hiệu thứ hai bao gồm những tín hiệu của hệ thống tín hiệu thứ nhất.

+ Sức mạnh của hệ thống tín hiệu thứ nhất là tính cụ thể và tính trực tiếp. Những người mà hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất chiếm ưu thế có nhận thức, ghi nhớ rất đúng về hình dáng, màu sắc, mùi vị, âm thanh của sự vật và hiện tượng. Những người này cũng thường nhạy bén và giàu năng lực trong sáng tạo nghệ thuật.

2.2.4. Phân loại các hiện tượng tâm lý

Dựa theo thời gian tồn tại của chúng mà người ta chia làm 3 loại:

2.2.4.1. Quá trình tâm lý (Hiện tượng tâm lý loại I)

Là hiện tượng tâm lý diễn ra trong một thời gian ngắn (vài giây đến vài giờ). Có ba loại quá trình tâm lý:

- Quá trình nhận thức: Bao gồm các quá trình như cảm giác, tri giác, tư duy
- Quá trình cảm xúc: Như yêu, ghét, dễ chịu, khó chịu, căm thù v.v.
- Quá trình ý chí: Như xác định mục đích, đấu tranh tư tưởng v.v.

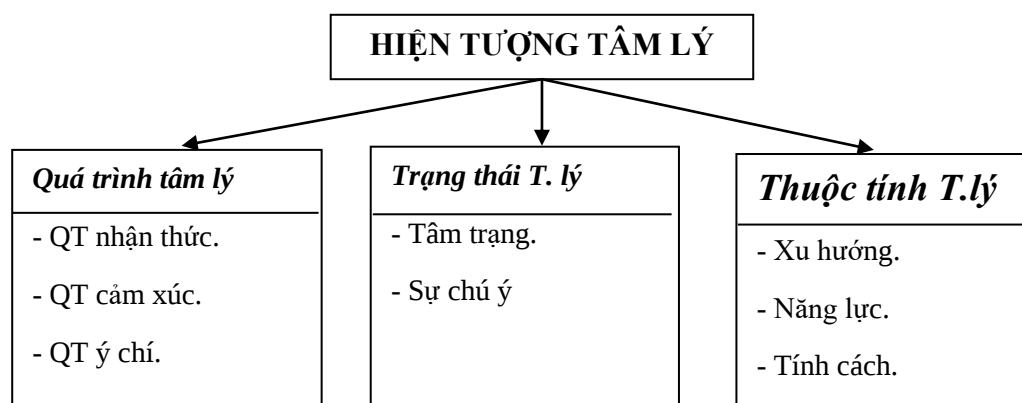
2.2.4.2. Các trạng thái tâm lý (Hiện tượng tâm lý loại II)

Là hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài (vài chục phút đến hàng tháng), thường ít biến động nhưng lại chi phối các quá trình tâm lý đi kèm với nó. Ví dụ như: Sự chú ý, tâm trạng, sự ganh đua, trạng thái nghỉ ngơi.

2.2.4.3. Các đặc điểm tâm lý hay thuộc tính tâm lý (Hiện tượng tâm lý loại III)

Là hiện tượng tâm lý hình thành lâu dài và kéo dài rất lâu, có khi suốt đời và tạo thành nét riêng của nhân cách chi phối các quá trình và trạng thái tâm lý của người ấy. Ví dụ: Xu hướng, năng lực, tính cách, khí chất, tính tình, tính nết, thói quen, quan điểm, hứng thú, lý tưởng sống, sở trường v.v. Mỗi cá nhân đều có những đặc điểm tâm lý riêng, chẳng ai giống ai một cách tuyệt đối.

Sơ đồ phân loại các hiện tượng tâm lý



2.3. Khái niệm về tâm lý y học và các phân ngành

2.3.1. Khái niệm về tâm lý Y học

Tâm lý Y học còn gọi là tâm lý học lâm sàng, là tâm lý học ứng dụng vào Y học. Đối tượng của tâm lý học Y học là nghiên cứu đặc điểm đa dạng và phong phú của hoạt động tâm lý người bệnh, của cán bộ Y tế và các yếu tố ảnh hưởng.

- Tâm lý học Y học được hình thành và phát triển, do những đòi hỏi của Y học, nó có mối liên hệ cơ bản và mật thiết với tâm lý học.
- Tâm lý Y học nghiên cứu tâm lý người bệnh cụ thể sống trong hoàn cảnh xã hội, lịch sử nhất định và có các mối quan hệ xã hội.

2.3.2. Các phân ngành tâm lý Y học

2.3.2.1. Tâm lý Y học đại cương: Nghiên cứu

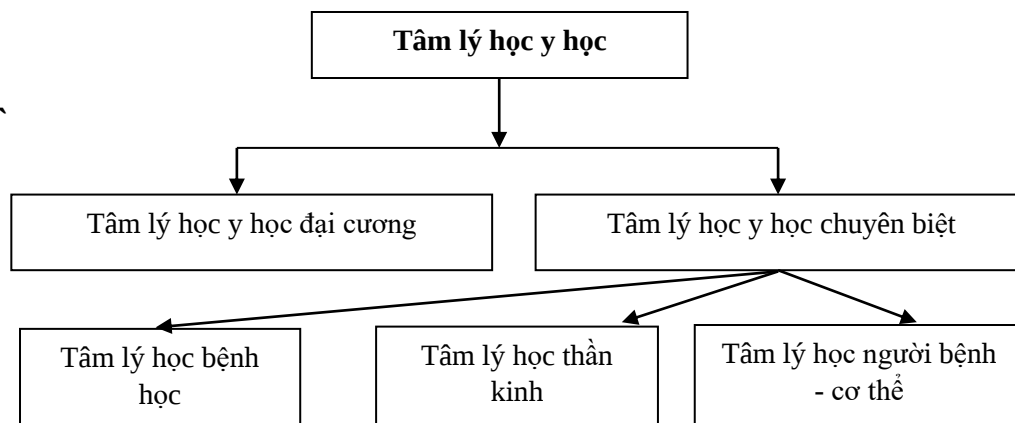
- Những quy luật cơ bản của tâm lý người bệnh.
- Sự ảnh hưởng qua lại giữa tâm lý và cơ thể.
- Tâm lý của cán bộ Y tế, tâm lý giao tiếp.
- Cơ sở tâm lý học của các biện pháp tâm lý.
- Vệ sinh tâm lý.

2.3.2.2. Tâm lý học chuyên biệt

Là nghiên cứu diễn biến tâm lý trong các chuyên ngành Y học khác nhau.

- Tâm lý học bệnh học:
 - + Tiếp giáp giữa tâm lý học và tâm thần học.
 - + Nghiên cứu những quy luật rối loạn tâm lý và các phẩm chất của nhân cách.
- Tâm lý học thần kinh:
 - + Tiếp giáp giữa tâm lý học và phẫu thuật thần kinh.
 - + Nghiên cứu những nét đặc trưng của rối loạn tâm lý, phát hiện ra “khuyết tật chủ đạo” và những ảnh hưởng của hệ thống thần kinh, chức năng nói chung của thần kinh
 - + Tâm lý học người bệnh – Cơ thể: Nghiên cứu những biến đổi tâm lý mang tính quy luật của người bệnh – Cơ thể

Sơ đồ phân ngành tâm lý Y học



2.4. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học

2.4.1. Quan sát: Phương pháp này được sử dụng nhằm nghiên cứu những biểu hiện bên ngoài của tâm lý như: Hành vi, ngôn ngữ, cảm xúc các mối quan hệ, từ đó phát hiện ra các qui luật phát triển tâm lý.

2.4.2. Thực nghiệm: Đây là phương pháp cơ bản trong nghiên cứu tâm lý học.

2.4.3. Phương pháp trò chuyện (đàm thoại): Đó là phương pháp đặt ra câu hỏi cho đối tượng và dựa vào trả lời của họ mà trao đổi, hỏi thêm nhằm thu thập những thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

2.4.4. Phương pháp trắc nghiệm (TEST): Là phép thử để đo lường tâm lý mà trước đó đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu (so với chuẩn).

2.4.5. Phương pháp điều tra: Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.

2.4.6. Nghiên cứu các sản phẩm hoạt động: Dùng phương pháp này, ta có thể biết về tâm lý tiềm tàng, tích đọng của đối tượng nghiên cứu.

GHI NHỚ

- + Bản chất của hoạt động tâm lý.
- + Vẽ sơ đồ phân ngành tâm lý học Y học.
- + 6 phương pháp nghiên cứu tâm lý học.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

I. Câu hỏi tự luận:

1. Trình bày các khái niệm: Tâm lý học là gì? Hiện tượng tâm lý là gì?
2. Trình bày bản chất của hoạt động tâm lý?
3. Vẽ sơ đồ phân ngành tâm lý học Y học?

II. Câu hỏi Test:

Câu 1: Mệnh đề nào sau đây nói lên sự phản ánh tâm lý:

- A. Sự chụp ảnh hiện thực khách quan
- B. Báo hiệu sự quan trọng sống còn của cơ thể
- C. Cho ra sự sao chép gần đúng của hình ảnh thế giới khách quan

Câu 2: Tâm lý học là môn khoa học nghiên cứu và những quá trình phát sinh, phát triển của chúng, nghiên cứu nét tâm lý của hoạt động tâm lý con người.

- A. Các hiện tượng tâm lý
- B. Các quá trình tâm lý
- C. Các thuộc tính tâm lý

Câu 3: Các thuộc tính tâm lý là hiện tượng tâm lý hình thành

- A. Lâu dài
- B. Lâu dài có khi suốt đời
- C. Lâu dài và kéo dài rất lâu, có khi suốt đời

Câu 4: Đặc điểm nào thuộc về sự phân phối chú ý:

- A. Có khả năng di chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác
- B. Cùng một lúc chú ý đầy đủ, rõ ràng đến nhiều đối tượng hoặc nhiều hoạt động
- C. Chú ý lâu dài vào đối tượng
- D. Chú ý sâu vào một đối tượng để phản ánh tốt hơn đối tượng đó
- E. A và B

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng “*Tổ chức và quản lý Y tế*”, Trường Đại Học Y Hà Nội (2021)
2. Bài giảng “*Truyền thông giáo dục sức khỏe*”, Trường Đại Học Y Hà Nội (2021)
3. Bài giảng “*Tâm lý Y Học*”, Trường Đại Học Y Hà Nội (2021)
4. Bài giảng “*Y Xã Hội*”, Trường Cao đẳng Y tế Thanh hóa (2017).

BÀI 2

TÂM LÝ NGƯỜI BỆNH VÀ LIỆU PHÁP TÂM LÝ (3 tiết)

Giới thiệu: Tâm lý con người rất phức tạp, việc nắm bắt được tình trạng biến động tâm lý con người rất quan trọng, đặc biệt là tâm lý bệnh nhân, nó giúp cán bộ y tế có được những hoạt động tích cực tới người bệnh, nhờ đó mà người bệnh có được thái độ lạc quan với tình trạng bệnh tật.

1. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này, sinh viên phải:

- 1.1. Trình bày được 8 đặc điểm tâm lý chung của người bệnh.*
- 1.2. Giải thích được 5 tác động không tích cực và 7 tác động tích cực của người cán bộ y tế đến tâm lý người bệnh.*
- 1.3. Giải thích được 4 liệu pháp tâm lý gián tiếp và 4 liệu pháp tâm lý trực tiếp.*

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm tâm lý chung của người bệnh

Bệnh tật làm thay đổi cả thể chất, sinh hoá, sinh lý, cũng như tâm lý người bệnh. Tâm lý người bệnh rất đa dạng và phức tạp, tuy nhiên có những đặc điểm chung như sau:

2.1.1. Người bệnh đau đớn, lo buồn, sợ hãi về bệnh tật của bản thân nên có những thay đổi tính tình như: Dễ xúc động, dễ cáu gắt, nhạy cảm hoặc mặc cảm, dễ phản ứng bất thường.

- Đau đớn ảnh hưởng tới quá trình tâm, sinh lý của cơ thể. Đau quá mức có thể dẫn tới tình trạng sốc.

- Lo buồn, sợ hãi: Thường xuất hiện sớm và tồn tại dai dẳng suốt quá trình bệnh tật. Có liên quan đến trạng thái tinh thần và nhân cách người bệnh.

- Cảm xúc có thể thoải mái, nhưng cũng có thể là thái quá so với thực trạng của bệnh.

2.1.2. Tính nhạy cảm của người bệnh tăng, tính ám thị tăng mọi sự quan tâm của họ đều hướng vào bệnh của mình

Tất cả những gì xảy ra xung quanh đều có ảnh hưởng tốt hoặc xấu tới người bệnh. Đôi khi chúng ta còn gặp hiện tượng “Tự kỷ ám thị” ở một số người bệnh đặc biệt là những người bệnh nhân cách yếu. Họ tự ám thị cho mình những căn bệnh hoặc tăng màu sắc căn bệnh mà họ đang mắc.

2.1.3. Bệnh nhân luôn đòi hỏi sự chăm sóc tối đa của người xung quanh, nhất là cán bộ y tế. Họ trở nên ích kỷ, chú ý hơn tới mọi hành vi ứng xử của cán bộ y tế đối với họ, với những bệnh nhân khác.

2.1.4. Tâm trạng hoài nghi, thất vọng, hy vọng ở người bệnh thường xen kẽ nhau tùy thuộc sự diễn biến bệnh, môi trường điều trị, đặc biệt là thái độ của thầy thuốc.

2.1.5. Thái độ của người bệnh đối với bệnh tật cũng đa dạng

- Người bệnh có thể có thái độ đúng với căn bệnh của mình hợp tác với cán bộ y tế, có ý thức tích cực chống lại bệnh tật, tin tưởng, bình tĩnh, thực hiện đúng các y lệnh vì vậy mà kết quả điều trị ở họ thường tốt hơn so với bệnh nhân khác.

- Người bệnh có thái độ chưa phù hợp với bệnh tật: Người bệnh hốt hoảng, sợ hãi hoặc thờ ơ với bệnh tật, có khi lại có người muốn dấu căn bệnh của mình. Vì vậy họ thiếu sự hợp tác với cán bộ y tế, gây trở ngại cho chẩn đoán, điều trị và chăm sóc.

2.1.6. Niềm tin của người bệnh. Người bệnh thường gửi trọn niềm tin vào thầy thuốc và cán bộ y tế nói chung, đặc biệt là cán bộ y tế giỏi, nhưng ngược lại họ cũng dễ mất lòng tin với cán bộ y tế có sai sót trong chuyên môn.

2.1.7. Những đòi hỏi quá mức. Người bệnh thường tin vào các phương pháp điều trị và chăm sóc của cán bộ y tế. Nhưng có lúc họ đòi hỏi những yêu

cầu không phù hợp với phác đồ điều trị, ví dụ như thích truyền đạm, truyền máu, sợ phẫu thuật, sợ làm thủ thuật, không muốn lấy máu làm xét nghiệm v.v.

2.1.8. Tâm lý chung của bệnh nhi. Tùy vào lứa tuổi, nhưng tâm lý chung của trẻ nhỏ khi bị bệnh là:

- Quấy khóc, sợ hãi, mệt mỏi, buồn bực, khó tiếp xúc, rối loạn giấc ngủ, rối loạn tiêu hóa v.v.

- Trẻ dễ bị ám thị, sợ sự đe dọa, dễ tin lời nói của cha mẹ, của cán bộ Y tế và người xung quanh.

- Trẻ rất nhạy cảm với sự lo lắng của mọi người xung quanh.

2.2. Những yếu tố chính tác động đến tâm lý người bệnh được chia thành 4 nhóm

2.2.1. Bệnh tật

Bệnh tật làm thay đổi mọi hoạt động của con người tùy thuộc vào tính chất của bệnh, mức độ nặng hay nhẹ của bệnh, giai đoạn tiến triển của bệnh, mức độ ảnh hưởng của bệnh đến nghề nghiệp, đến thẩm mỹ, đến giá trị đạo đức mà có ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh.

Mức độ ảnh hưởng của bệnh rất khác nhau ở những đối tượng khác nhau.

2.2.2. Nhân cách người bệnh

Những bệnh nhân có nhân cách mạnh, cân bằng, có nhân sinh quan đúng đắn thì thường có thái độ đúng với bệnh. Họ lạc quan, tin tưởng, tích cực phối hợp chặt chẽ với cán bộ y tế trong quá trình điều trị, góp phần quan trọng vào quá trình hồi phục bệnh.

Những bệnh nhân có nhân cách yếu, ưu tư, quá trình tâm lý diễn ra chậm chạp, quá trình thành lập phản xạ khó khăn, kém thích nghi với thay đổi của môi trường, thiếu lòng tin nên bệnh diễn biến thường nặng hơn, tiên lượng xấu hơn.

2.2.3. Môi trường xung quanh

Tính chất nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, hạnh phúc gia đình, môi trường làm việc và những tác động xung quanh (các hành vi, sự quan tâm của người thân, của cán bộ y tế v.v) đều có tác động tâm lý tới người bệnh, ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến quá trình phát sinh, phát triển hoặc hồi phục bệnh tật.

2.2.4. Tác động tâm lý từ cán bộ y tế đến người bệnh

Cán bộ y tế có thể gây ra những hiệu quả tâm lý có tác động tích cực, hoặc không tích cực cho người bệnh.

2.2.4.1. Tác động không tích cực

Cán bộ Y tế có thể gây ra các tác hại, thậm chí có thể gây ra bệnh cho bệnh nhân. Các yếu tố gây tác hại là:

- Thiếu thận trọng trong chuyên môn như: Khám, kê đơn, điều trị, chăm sóc, sẽ làm mất lòng tin của người bệnh.
- Thông tin cho bệnh nhân thiếu thận trọng, thiếu ý thức, thiếu chọn lọc, thiếu cân nhắc, thông báo đột ngột, không để ý đến tâm lý người bệnh, gây sốc cho các bệnh nhân, làm bệnh nặng hơn.
- Sử dụng ngôn từ không rõ ràng, không đúng chỗ hoặc dùng từ khó hiểu, lạm dụng các thuật ngữ, tiếng nước ngoài làm cho bệnh nhân không hiểu, tăng thêm phần lo ngại.
- Hành vi giao tiếp không phù hợp với người bệnh, thái độ thiếu thận trọng gây hiểu lầm, cản trở quá trình giao tiếp giữa cán bộ y tế và người bệnh.
- Những bàn luận không thích hợp của cán bộ y tế với đồng nghiệp, với sinh viên trước bệnh nhân.

Do vậy cán bộ y tế phải tìm mọi cách khắc phục những ảnh hưởng xấu đồng thời tận dụng những tác động tích cực đến người bệnh.

2.2.4.2. Tác động tích cực

Những lời nói và hành vi thích hợp của người cán bộ y tế sẽ tăng lòng tin, giảm sự băn khoăn, lo lắng cho người bệnh. Các tác động tích cực đó là:

- Giải thích cho người bệnh đúng lúc, đúng chỗ những điều cần thiết về bệnh tật của họ.
- Tìm hiểu thái độ của người bệnh đối với tình trạng bệnh của họ nhằm khắc phục thái độ cường điệu hoặc chủ quan coi thường bệnh của người bệnh.
- Tìm hiểu tâm lý hiện tại của người bệnh và các yếu tố ảnh hưởng tới nó để có những biện pháp tâm lý phù hợp.
- Trao đổi với người bệnh về điều kiện sống, những vấn đề có liên quan đến bệnh
- Chuyển sự chú ý của người bệnh vào bệnh tật sang sự chú ý vào sự phục hồi, chỉ cho họ thấy được những diễn biến tốt của bệnh.
- Động viên người bệnh tự giác, chủ động tích cực thực hiện các qui định điều trị, hướng dẫn người bệnh các biện pháp tự chăm sóc, luyện tập để khắc phục bệnh tật.
- Hỗ trợ cần thiết cho người bệnh.

2.3. Quan điểm xây dựng liệu pháp tâm lý *(Theo quan điểm duy vật biện chứng)*

2.3.1. Các kích thích của môi trường sinh sống

Môi trường bên ngoài có ảnh hưởng đến hoạt động tâm lý. Vì vậy cần loại trừ các kích thích xấu và tăng cường các kích thích có lợi cho người bệnh.

2.3.2. Tâm thần và cơ thể là một khối thống nhất, thường xuyên qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau

2.3.3. Lời nói có tác dụng như một kích thích thật sự

Có thể chữa bệnh, cũng có thể gây ra bệnh, liệu pháp tâm lý nhằm khai thác hiệu lực tối đa của lời nói để chữa bệnh.

2.4. Liệu pháp tâm lý gián tiếp